

Số: /BC- UBND

Yên Thượng, ngày 07 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO

Công tác Cải cách hành chính định kỳ năm 2024

(Từ ngày 01/12/2023 và dự ước kết quả đến ngày 08/3/2024)

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH (CCHC)

1. Đánh giá về các hoạt động chỉ đạo, điều hành nội bộ của lãnh đạo đơn vị đối với công tác CCHC:

Ủy ban nhân dân xã đã ban hành Quyết định số 21/QĐ- UBND ngày 30 tháng 01 năm 2024 về việc ban hành Kế hoạch thực hiện công tác Cải cách hành chính xã Yên Thượng năm 2024; Quyết định số 24/QĐ- UBND ngày 31 tháng 01 năm 2024 về việc giao nhiệm vụ thực hiện Cải cách hành chính năm 2024; Kế hoạch số 36/KH-UBND ngày 06 tháng 3 năm 2024 về việc Tuyên truyền công tác Cải cách hành chính xã Yên Thượng năm 2024 làm cơ sở để tổ chức triển khai các nhiệm vụ Cải cách hành chính trong năm.

Các văn bản xác định rõ các nội dung CCHC cần tập trung chỉ đạo thực hiện với các nhiệm vụ cụ thể của tháng, quý và phân công nhiệm vụ đối với từng công chức chuyên môn thực hiện từng nội dung cụ thể. Chỉ đạo các bộ phận liên quan thực hiện các nội dung của công tác CCHC, nội dung Kế hoạch sát với thực tế của địa phương và nghiêm túc triển khai thực hiện tốt các nội dung của công tác CCHC đã được UBND xã phân công.

2. Đánh giá, cập nhật tiến độ thực hiện kế hoạch CCHC năm của đơn vị:

Ngay từ đầu năm, đơn vị đã chỉ đạo các bộ phận chuyên môn nghiêm túc thực hiện các nội dung của kế hoạch CCHC. Từng bước thực hiện các nội dung theo kế hoạch chỉ đạo của cấp trên, và kế hoạch của đơn vị đã xây dựng.

3. Về công tác thông tin, tuyên truyền CCHC (nội dung, hình thức và kết quả thực hiện; nêu rõ số lượng các tin, bài viết, phóng sự chuyên đề về CCHC đã thực hiện).

Căn cứ vào Kế hoạch thực hiện công tác Cải cách hành chính năm 2024, Ủy ban nhân dân xã đã chủ động thông tin, tuyên truyền các chủ trương của Đảng và các chương trình, kế hoạch, văn bản chỉ đạo của Trung ương, Ủy ban nhân dân huyện, Ủy ban nhân dân xã về công tác cải cách hành chính. Qua đó nâng cao nhận thức, tinh thần trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước và cán bộ, công chức, nhân dân trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính (CCHC).

Tạo điều kiện cho người dân, doanh nghiệp tham gia thực hiện CCHC nhất là ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính (TTHC); giám sát các hoạt động thực thi công vụ và kết quả thực hiện CCHC của cơ quan hành chính nhà nước.

Phát huy vai trò tích cực của các công tác tuyên truyền, thông tin đại chúng trong việc phát hiện, phản ánh chính xác, kịp thời những mặt tích cực cũng như những hạn chế trong công tác CCHC; Đơn vị đã đăng tải các văn bản liên quan đến công tác CCHC trên cổng thông tin điện tử của xã.

4. Tổng hợp, cập nhật tiến độ, kết quả thực hiện các nhiệm vụ được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao; UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện giao.

Từng bước thực hiện các nội dung theo kế hoạch chỉ đạo của cấp trên đề ra.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CCHC

1. Cải cách thể chế

1.1. Kết quả xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật (QPPL):

Đơn vị ban hành Kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 04 tháng 01 năm 2024 về Công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật năm 2024;

Kế hoạch số 33/KH-UBND ngày 01 tháng 3 năm 2024 về Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở; cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2024;

Mục đích nhằm triển khai thực hiện đồng bộ, toàn diện các quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012; Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ quy định và các văn bản quy định chi tiết. Khắc phục tồn tại, vướng mắc, bất cập và có giải pháp cụ thể nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật hoặc kiến nghị sửa đổi, bổ sung hệ thống pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

1.2. Kết quả tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi, thi hành pháp luật:

UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 23/KH-UBND ngày 06 tháng 02 năm 2024 về việc Theo dõi tình hình thi hành pháp luật và thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn xã Yên Thượng năm 2024;

1.3. Kết quả kiểm tra văn bản QPPL: Trong quý I, đơn vị đã tiến hành kiểm tra 03 văn bản QPPL. Qua kiểm tra, không có văn bản nào phải xử lý.

1.4. Kết quả rà soát văn bản QPPL: Đơn vị tiến hành rà soát 03 văn bản, qua rà soát công bố kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn xã Yên Thượng kỳ 2019 – 2023 như sau:

- Tổng số văn bản còn hiệu lực trong kỳ hệ thống hóa 2019-2023: 02 văn bản
- Tổng số văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ trong kỳ hệ thống hóa 2019-2023: 01 văn bản
- Tổng số văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực một phần trong kỳ hệ thống hóa 2019-2023: 0

- Tổng số văn bản cần đình chỉ thi hành, ngưng hiệu lực, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới trong kỳ hệ thống hóa 2019-2023: 0

Đã báo cáo cấp trên theo quy định.

1.5. Kết quả thực hiện tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật.

UBND xã đã ban hành: Kế hoạch số 33/KH-UBND ngày 01 tháng 3 năm 2024 về Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở; cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2024;

2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

2.1. Kết quả rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC (số lượng TTHC được rà soát; số lượng TTHC đã được phê duyệt, thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa; đánh giá về cắt giảm chi phí tuân thủ và những hiệu quả sau khi cắt giảm, đơn giản hóa).

Thực hiện Kế hoạch số 35/KH-UBND ngày 31 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Chợ Đồn về rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2024, tổng số thủ tục hành chính cấp xã được rà soát là 16 thủ tục. Hiện nay các công chức chuyên môn có TTHC đang thực hiện rà soát theo văn bản chỉ đạo.

2.2. Tổng hợp, cập nhật số lượng TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, đơn vị (tổng số TTHC; đối với cấp huyện chi tiết số lượng TTHC cấp huyện, cấp xã).

Căn cứ Quyết định số 1414/QĐ-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2023 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc Phê duyệt danh mục dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ cung cấp thông tin trực tuyến thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn, tổng số TTHC tiếp nhận và trả kết quả tại BPMC xã là 114 thủ tục (trong đó DVCTT là 75 thủ tục, DVCTT toàn trình 62 thủ tục, DVCTT một phần 13 thủ tục, dịch vụ cung cấp thông tin trực tuyến 39 thủ tục).

2.3. Kết quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC:

+ Tình hình tổ chức và hoạt động của Bộ phận Một cửa (*cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân sự, cơ chế phối hợp*): Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của đơn vị hoạt động theo quy định. Hiện có 04 công chức được phân công trực bộ phận một cửa, đảm bảo về trình độ chuyên môn, tác phong, thái độ làm việc, quy chế văn hóa công sở. Tiếp nhận, giải quyết hồ sơ TTHC đúng quy định, hướng dẫn người dân, tổ chức đến thực hiện TTHC cụ thể, rõ ràng, không để hồ sơ tồn đọng kéo dài. Tham mưu cho UBND xã thực hiện tốt các quy định của nhà nước về giải quyết TTHC, bố trí trang thiết bị, ứng dụng công nghệ thông tin, từng bước hiện đại hóa bộ phận Một cửa (*có 05 bộ máy vi tính, 03 máy scan*). Ngoài ra bố trí Công an, Quân sự xã trực tại Bộ phận Một cửa tiếp nhận hồ sơ công dân khi có yêu cầu

+ Kết quả thực hiện số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC: 94 hs

+ Tổng hợp, cập nhật kết quả giải quyết hồ sơ TTHC của cơ quan, đơn vị: Đến thời điểm báo cáo tổng số hồ sơ TTHC được giải quyết là 94 hồ sơ, trong đó tiếp nhận qua dịch vụ công là 85 hồ sơ, nộp trực tiếp là 09 hồ sơ.

+ Kết quả tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức liên quan đến quy định TTHC: Trong Quý I, đơn vị không có phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức liên quan đến quy định TTHC.

+ Kết quả thực hiện việc đánh giá chất lượng giải quyết TTHC: Đơn vị luôn thực hiện hoàn thành tốt nhiệm vụ, không có hồ sơ quá hạn, trễ hạn tại bộ phận một cửa, tại thời điểm báo cáo điểm chỉ số phục vụ người dân và doanh nghiệp đạt 75,33 điểm- xếp loại khá.

3. Cải cách tổ chức bộ máy

Về cơ bản, bộ máy chính quyền của địa phương ổn định, thực hiện và phát huy tốt vai trò nhiệm vụ ở địa phương. Công chức tại đơn vị được bố trí, sắp xếp và phân công nhiệm vụ phù hợp với trình độ chuyên môn nghiệp vụ, vị trí việc làm, đáp ứng nhu cầu công việc được tốt hơn.

Cán bộ, công chức của đơn vị chấp hành nghiêm kỷ cương kỷ luật hành chính, không có tình trạng sách nhiễu, gây phiền hà, thiếu tinh thần trách nhiệm trong thực thi nhiệm vụ, trong quý I không có cán bộ, công chức nào bị kỷ luật, khiển trách.

4. Cải cách chế độ công vụ

Tổng số cán bộ, công chức của đơn vị là 18 người. Công tác quản lý cán bộ, công chức được duy trì tốt đảm bảo đúng chế độ, chính sách hiện hành.

Thường xuyên chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, tạo điều kiện về cơ chế chính sách để cán bộ, công chức đi học, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tham gia lớp trình độ lý luận chính trị để đáp ứng nhu cầu cấp thiết của công việc trong thời kỳ mới.

5. Cải cách tài chính công

- Kết quả thực hiện các quy định về quản lý tài chính - ngân sách tại đơn vị: Công chức chuyên môn của đơn vị đã tham mưu cho UBND xã thực hiện các quy định của cấp trên về đổi mới cơ chế quản lý tài chính đối với cơ quan hành chính. Nâng cao chất lượng, hiệu quả việc thực hiện cơ chế tự chủ về kinh phí đơn vị.

- Tiến độ, kết quả thực hiện thu ngân sách nhà nước theo kế hoạch được UBND huyện giao:

+ Tính đến thời điểm báo cáo, số ngân sách thu được: 25.227.153 đ/71.800.000đ đạt 35,13%; Công tác chi ngân sách: thực hiện chi đúng, chi đủ theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

+ Tiến độ, kết quả thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách: Trong quý I, đơn vị không có các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách

- Kết quả thực hiện quy định về quản lý, sử dụng tài sản công:

Đơn vị đã ban hành Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 19/01/2024 về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng tài sản công của UBND xã Yên Thượng năm 2024. Đồng thời thực hiện đầy đủ các báo cáo về công tác quản lý tài sản công theo chỉ đạo của cấp trên.

- Kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập (theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP và các văn bản có liên quan): Đơn vị thực hiện theo chỉ đạo của cấp trên và quy chế chi tiêu nội bộ đã xây dựng của đơn vị.

6. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử

- Kết quả hoàn thiện thể chế phục vụ xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, chính quyền số ở địa phương

Đơn vị đã ban hành văn bản chỉ đạo, như: Kế hoạch số 20/KH- UBND ngày 21 tháng 01 năm 2024 về thực hiện Chuyển đổi số năm 2024;

- Kết quả xây dựng, phát triển hạ tầng kỹ thuật:

Tính đến thời điểm báo cáo, toàn bộ cán bộ, công chức trong đơn vị được trang bị đầy đủ máy tính, trang thiết bị để phục vụ trong công việc.

+ Tổng số máy tính 20 máy (máy tính để bàn);

+ Tỷ lệ cán bộ, công chức công chức được trang bị máy tính 100%;

+ Đường truyền: Đơn vị đã lắp đặt hệ thống mạng LAN, đảm bảo phục vụ cho thực hiện nhiệm vụ.

Tất cả các máy tính đều được trang bị phần mềm diệt virus để đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin; Kiểm tra, đánh giá về an toàn thông tin đối với các thiết bị có kết nối Internet trước khi đưa vào sử dụng.

- Kết quả xây dựng, phát triển các hệ thống nền tảng.

Đơn vị Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động, vận hành đồng bộ cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông...; đẩy mạnh ứng dụng CNTT kết hợp khoa học công nghệ, dần hình thành "Công dân điện tử", gắn chặt với công tác đảm bảo ATTT, bảo vệ dữ liệu cá nhân.

Thời gian qua, đơn vị đã duy trì vận hành có hiệu quả hệ thống "Một cửa điện tử", "Một cửa điện tử liên thông" và dịch vụ công trực tuyến. Quý I, hệ thống đã tiếp nhận và xử lý 94 hồ sơ TTHC, không có hồ sơ nào quá hạn.

Đơn vị đã có Cổng thông tin điện tử, các hoạt động, sự kiện của địa phương, các văn bản chỉ đạo đều được đăng tải trên cổng thông tin để cán bộ, người dân truy cập tiện lợi trong việc nắm bắt thông tin hoạt động của địa phương. Đơn vị bố trí 01 công chức văn hóa- xã hội phụ trách CNTT.

- Kết quả xây dựng, phát triển dữ liệu.

+ Đối với Đề án 06: Trong quý I, đơn vị tiếp tục triển khai thực hiện làm sạch dữ liệu Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và triển khai đề án 06, Công tác đăng ký, kích hoạt tài khoản định danh điện tử trên địa bàn xã Yên Thượng;

Tiếp tục duy trì việc xây dựng mô hình thực hiện Đề án 06 xã Yên Thượng, đối với Bộ Phận Một cửa xã để xây dựng mô hình điềm của xã.

- *Kết quả xây dựng, phát triển các ứng dụng, dịch vụ nội bộ.*

+ Hệ thống quản lý văn bản và điều hành (HSCV): Phần mềm được liên thông tạo điều kiện thuận lợi cho việc trao đổi, sử dụng văn bản điện tử qua Hệ thống quản lý văn bản và điều hành, rút ngắn thời gian xử lý văn bản, thuận lợi cho việc chia sẻ, sử dụng lại văn bản điện tử, giảm chi phí hành chính, nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành của cơ quan.

Trong quý I, đã tiếp nhận và xử lý khoảng 1843 văn bản đi/đến; trong đó có khoảng hơn 159 văn bản đi và hơn 1684 văn bản đến. Hiện nay, tỷ lệ văn bản trao đổi giữa đơn vị với các cơ quan nhà nước dưới dạng điện tử đạt 100% (trừ văn bản Mật),

+ Hệ thống thư điện tử công vụ của xã: Tỷ lệ cán bộ, công chức thường xuyên sử dụng thư điện tử công vụ trao đổi trong công việc đạt 100%.

+ Triển khai ứng dụng chữ ký số chuyên dùng do Ban Cơ yếu Chính phủ cấp: có 08 chứng thư số, chữ ký số;

+ Triển khai ISO: Tiếp tục duy trì và áp dụng HTQLCL ISO 9001:2015. Ban hành Kế hoạch hoạt động xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 năm 2024.

- *Kết quả xây dựng, phát triển ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, doanh nghiệp.*

Việc triển khai xây dựng hệ thống quản lý truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn xã chưa thực hiện được.

- *Kết quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến*

Tổng số hồ sơ tiếp nhận: 94 hồ sơ, trong đó tiếp nhận qua dịch vụ công là 81 hồ sơ, nộp trực tiếp là 13 hồ sơ.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Mặt tích cực

Trong quý I, công tác Cải cách hành chính của đơn vị quan tâm chỉ đạo thực hiện ngay từ đầu năm đối với các nhiệm vụ của cấp trên giao, nhiệm vụ kế hoạch đơn vị đề ra. Đội ngũ công chức chuyên môn của đơn vị có trách nhiệm trong việc thực hiện các nhiệm vụ thuộc các lĩnh vực mình phụ trách.

2. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

Việc tuyên truyền, phổ biến về công tác CCHC và vận động tổ chức, cá nhân thực hiện nộp, nhận kết quả hồ sơ đề nghị giải quyết TTHC qua dịch vụ công trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đã được quan tâm thực hiện, tuy nhiên chưa phát sinh hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích.

** Nguyên nhân tồn tại, hạn chế*

Mặc dù công tác tuyên truyền với nhiều hình thức đã được triển khai tuy nhiên nhận thức, thói quen người dân về dịch vụ công trực tuyến chưa đầy đủ. Ngoài ra, hạ tầng các phương tiện kết nối dịch vụ công trực tuyến, như: điện thoại, internet ở nhà của người dân cũng chưa đồng bộ ảnh hưởng đến hoạt động này.

IV. NHIỆM VỤ CCHC TRỌNG TÂM THỜI GIAN TIẾP THEO

1. Công tác chỉ đạo điều hành

Tiếp tục tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả công tác CCHC, triển khai có hiệu quả kế hoạch CCHC năm 2024 đảm bảo đúng tiến độ và kế hoạch đã đề ra. Tăng cường các hình thức, biện pháp để thông tin, tuyên truyền công tác CCHC bảo đảm kịp thời, hiệu quả.

2. Cải cách thể chế

Tiếp tục rà soát văn bản quy phạm pháp luật. Sửa đổi, bổ sung các văn bản cho phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ của đơn vị.

3. Cải cách thủ tục hành chính

Tiếp tục rà soát, đơn giản hóa TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị; đồng thời, tiếp tục có phương án cắt giảm thời gian giải quyết so với quy định, tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức thực hiện các TTHC. Giải quyết TTHC cho người dân, doanh nghiệp kịp thời, nhanh gọn và hiệu quả, có văn bản xin lỗi khi giải quyết TTHC quá hạn (nếu có). Tiếp nhận, xử lý kịp thời phản ánh, kiến nghị của các cá nhân, tổ chức về quy định hành chính thuộc lĩnh vực đơn vị quản lý. Công bố, công khai kịp thời các TTHC trên Trang thông tin điện tử của xã, tạo thuận lợi cho người dân, tổ chức tìm hiểu và truy cập thông tin.

4. Cải cách tổ chức bộ máy

Tổ chức triển khai thực hiện các quy định liên quan đến tuổi nghỉ hưu theo quy định của Bộ luật lao động năm 2019. Cải tiến chế độ làm việc, tăng cường trách nhiệm, năng lực của người đứng đầu cơ quan và cán bộ, công chức trong giải quyết công việc của tổ chức, cá nhân.

5. Cải cách chế độ công vụ: Tiếp tục xác định cơ cấu cán bộ, công chức theo vị trí việc làm. Tăng cường công tác bồi dưỡng tư tưởng cho cán bộ, công chức có tinh thần trách nhiệm với công việc, chống tham nhũng, lãng phí. Cử cán bộ, công chức tham dự các khóa đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ lý luận, chuyên môn nghiệp vụ.

6. Cải cách tài chính công

Tiếp tục thực hiện cơ chế khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ và Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập thay thế Nghị định số 54/2016/NĐ-CP.

7. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử

- Triển khai thực hiện các hoạt động theo Bộ chỉ số đánh giá, xếp hạng chuyên đổi số.

- Thường xuyên cập nhật các thông tin, văn bản hoạt động của địa phương lên Trang thông tin điện tử của xã.

- Đảm bảo hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị phục vụ hoạt động chuyên môn, đặc biệt là các cuộc họp trực tuyến

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Cấp trên tiếp tục quan tâm chỉ đạo địa phương trong thực hiện công tác cải cách hành chính của đơn vị để công tác CCHC trong thời gian tới đạt kết quả, hiệu quả cao hơn.

Trên đây là nội dung báo cáo Công tác Cải cách hành chính định kỳ năm 2024 (Từ ngày 01/12/2023 và dự ước kết quả đến ngày 08/3/2024) của Ủy ban nhân dân xã Yên Thượng ./.

(Có Phụ lục III kèm theo)

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- UBND huyện (b/c);
- LĐ UBND xã (đ/b);
- Lưu: VP (Hiền).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Ma Văn Thái

Phụ lục I
BIỂU THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH XÃ YÊN THƯỢNG

(Kèm theo Báo cáo số 26 /BC- UBND ngày 07/3/2024 của UBND xã Yên Thượng)

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1	Công tác chỉ đạo điều hành CCHC			
1.1	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành (kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)	Văn bản	03	
1.2	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	%	35	
1.2.1	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	39	
1.2.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	10	
1.3	Kiểm tra CCHC			<i>Cấp huyện báo cáo</i>
1.3.1	Số UBND cấp xã đã kiểm tra	Đơn vị		
1.3.2	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề		
1.3.3	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề		
1.3.4	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%		
1.4	Thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao, các nhiệm vụ UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện giao			
1.4.1	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	36	
1.4.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	10	
1.4.3	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	
1.4.4	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	0	
1.5	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức			
1.5.1	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	0	
1.5.2	Hình thức khảo sát	Trực tuyến; Phát phiếu; Kết hợp	0	
1.6	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Có/không	Không	
2	Cải cách thể chế			
2.1	Số VBQPPL đã ban hành/tham mưu ban hành	Văn bản	0	
2.2	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản	3	
2.2.1	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	100	
	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản	3	
	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
2.3	Rà soát VBQPPL			

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
2.3.1	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền	Văn bản	3	
2.3.2	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	100	
	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản	0	
	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
3	Cải cách thủ tục hành chính			
3.1	Thống kê TTHC			
3.1.1	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	0	
3.1.2	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	0	
3.1.3	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	0	
3.1.4	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại cơ quan, đơn vị	Thủ tục	114	
Trong đó	Số TTHC cấp huyện	Thủ tục		Cấp huyện báo cáo cả cấp xã trực thuộc
	Số TTHC cấp xã	Thủ tục	114	
3.2	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
3.2.1	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	114	
3.2.2	Số TTHC liên thông giữa các cấp	Thủ tục	01	
3.2.3	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục	20	
3.3	Kết quả giải quyết TTHC			
3.3.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	100	
	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	94	
	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	94	
3.3.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	100	Cấp huyện báo cáo cả cấp xã trực thuộc
	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	94	
	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	94	
3.4	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	0	
3.4.1	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN	0	
3.4.2	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN	0	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
4	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước			
4.1	Số phòng chuyên môn	Phòng, tương đương		
4.2	Số ban, chi cục... trực thuộc	Đơn vị		
4.3	Số đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc	Đơn vị		
4.4	Tỷ lệ ĐVSNNCL đã cắt giảm so với năm 2015	%		
4.5	Số liệu về biên chế công chức			
4.5.1	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	10	
4.5.2	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	10	
4.5.3	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước	Người	0	
4.5.4	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
4.5.5	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	0	
4.6	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập		0	
4.6	Tổng số người làm việc được giao	Người	0	
4.6.1	Tổng số người làm việc có mặt	Người	0	
4.6.2	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
4.6.3	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	0	
5	Cải cách chế độ công vụ			
5.1	Vị trí việc làm của công chức, viên chức		0	
5.1.1	Số công chức hành chính đúng vị trí việc làm đã được phê duyệt	%	100	
5.1.2	Số viên chức sự nghiệp đúng vị trí việc làm đã được phê duyệt	%	0	
5.2	Tuyển dụng viên chức			
5.2.1	Số viên chức được tuyển dụng mới (qua thi tuyển)	Người	0	
5.2.2	Số viên chức được tuyển dụng mới (qua xét tuyển)	Người	0	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
5.3	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (lũy kể từ đầu năm)		0	
5.3.1	Số lãnh đạo đơn vị được bổ nhiệm mới	Người	0	
5.3.2	Số lãnh đạo cấp phòng được bổ nhiệm mới	Người	0	
5.3.3	Số lãnh đạo đơn vị trực thuộc được bổ nhiệm mới	Người	0	
5.3.4	Số lãnh đạo đơn vị được bổ nhiệm lại	Người	0	
5.3.5	Số lãnh đạo cấp phòng được bổ nhiệm lại	Người	0	
5.3.6	Số lãnh đạo đơn vị trực thuộc được bổ nhiệm lại	Người	0	
5.4	Số liệu về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức (cả về Đảng và chính quyền).		0	
5.4.1	Số lãnh đạo đơn vị bị kỷ luật.	Người	0	
5.4.2	Số lãnh đạo cấp phòng bị kỷ luật.	Người	0	
5.4.3	Số công chức, người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	00	
6	Cải cách tài chính công			
6.1	Tỷ lệ thực hiện kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%		Cấp huyện báo cáo
6.1.1	Kế hoạch được giao	Triệu đồng		
6.1.2	Đã thực hiện	Triệu đồng		
6.2	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương (lũy kể đến thời điểm báo cáo)			
6.2.1	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên và chi đầu tư (lũy kể đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	01	
6.2.2	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên (lũy kể đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	01	
6.2.3	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ một phần chi thường xuyên (lũy kể đến thời điểm báo cáo)		01	
	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên	Đơn vị	01	
	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên	Đơn vị	0	
	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên	Đơn vị	0	
6.2.4	Số đơn vị SNCL do nhà nước đảm bảo 100% chi thường xuyên (lũy kể đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	0	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
6.2.5	Số lượng đơn vị SNCL đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	0	
7	Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử			
7.1	Tổng số văn bản đi giữa các cơ quan nhà nước			
Trong đó	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử (sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).	%	100	
	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy	%	100	
7.2	Cung cấp Dịch vụ công trực tuyến			Cấp huyện báo cáo cả cấp xã
7.2.1	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến một phần	%	100	
	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến một phần	Thủ tục	13	
	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến một phần	Thủ tục	13	
	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến một phần có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	13	
7.2.2	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến toàn phần	%	100	
	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến toàn phần	Thủ tục	62	
	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến toàn phần	Thủ tục	62	
	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến toàn phần có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	03	
7.2.3	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC của tỉnh, quốc gia	%	100	
	Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến của cơ quan, đơn vị	Thủ tục	114	
	Số TTHC cung cấp trực tuyến đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	114	
7.2.4	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến (chỉ thống kê đối với các TTHC trực tuyến có phát sinh hồ sơ)	%	100	
	Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp, bưu chính công ích và trực tuyến)	Hồ sơ	20	
	Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến	Hồ sơ	13	
7.2.5	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	100	
	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí, ...)	Thủ tục	04	
	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.	Thủ tục	04	

